

**CHẾ ĐỊNH MẤT QUYỀN PHẢN ĐỐI TRONG
LUẬT TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI NĂM 2010**

SIN THOẠI KHÁNH*

Ngày nhận bài: 10/02/2025

Ngày phản biện: 28/02/2025

Ngày đăng bài: 30/06/2025

Tóm tắt:

Trong hoạt động tố tụng trọng tài, mất quyền phản đối trở thành một nguyên tắc được công nhận rộng rãi bởi pháp luật quốc tế và pháp luật các quốc gia, bao gồm cả Việt Nam. Trong phạm vi bài viết này, tác giả sẽ phân tích các quy định liên quan của pháp luật Việt Nam về chế định mất quyền phản đối và thực tiễn áp dụng trong mối tương quan so sánh với pháp luật và thực tiễn tại một số quốc gia khác trên thế giới, làm cơ sở cho việc đề xuất một số gợi mở liên quan đến chế định này.

Từ khoá:

Mất quyền phản đối; tố tụng trọng tài; luật Trọng tài thương mại.

Abstract:

In arbitration proceedings, the waiver of the right to object has emerged as a well-established principle within international law and the legal frameworks of various countries, including Vietnam. This article examines the pertinent provisions of Vietnamese law concerning the waiver of the right to object, alongside a comparative analysis of the laws and practices from several other nations around the globe. This analysis will provide a foundation for proposing several recommendations related to this legal framework.

Keywords:

Waiver of right to object; arbitral proceedings; law on Commercial Arbitration (LCA).

1. Đặt vấn đề

Mất quyền phản đối trong tố tụng trọng tài là một trong những chế định khá đặc trưng được ghi nhận trong hầu hết hệ thống pháp luật về trọng tài thương mại của các quốc gia trên thế giới. Trong bối cảnh của hoạt động trọng tài, đặc biệt là trọng tài thương mại quốc tế, việc thiết lập chế định mất quyền phản đối có vai trò rất quan trọng

* ThS.NCS., Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: luatsuthoai Khanh@gmail.com

bởi lẽ cách thức tiến hành tố tụng và kỳ vọng của các bên có thể khác nhau tùy từng trọng tài.

Trong hệ thống Common law (thông luật), chế định mất quyền phản đối bắt nguồn từ học thuyết “estoppel” (tạm dịch là “không phản đối”) và có mối liên hệ mật thiết với nguyên tắc “venire contrafactum proprium”. Đối với hệ thống Civil law (dân luật), chế định này liên quan trực tiếp đến nguyên tắc thiện chí (good faith).¹

Nguyên tắc mất quyền phản đối được xem là một trong những nguyên tắc dựa trên sự công bằng được công nhận sâu rộng nhất. Đây cũng có thể được coi là một “nguyên tắc chung của pháp luật” được ghi nhận trong nhiều hệ thống pháp luật của các quốc gia dân luật.² Theo cách tiếp cận truyền thống, các tòa án thường áp dụng chế định này để tránh gây ra sự bất công và thiên vị có thể phát sinh từ những phản đối được đưa ra không đúng thời điểm bởi một bên tranh chấp. Do đó, chế định mất quyền phản đối đã trở thành một phần quan trọng trong pháp luật quốc tế và pháp luật các quốc gia trên thế giới về trọng tài cũng như các quy tắc tố tụng trọng tài.

Mục đích của những quy định này là đảm bảo quá trình tố tụng trọng tài không bị gián đoạn hoặc trì hoãn bởi các khiếu nại chậm trễ không hợp lý từ một bên tranh chấp. Cụ thể hơn, những quy định này nhằm mục đích ngăn chặn các bên, khi đã nhận thức được những sai phạm về thủ tục trong quá trình giải quyết tranh chấp tại trọng tài, lợi dụng điều này để đưa ra sự phản đối (chậm trễ) đối với việc tiếp tục các hoạt động tố tụng trọng tài hoặc phản đối việc thực thi phán quyết trọng tài bất lợi cho họ.³ Nói cách khác, các phản đối cần được nêu ra khi vẫn còn khả năng khắc phục sai sót, và các lỗi tố tụng không nên bị giữ lại như những “vũ khí giấu kín” để sử dụng nếu phán quyết không có lợi.⁴

Trên tinh thần đó, pháp luật về trọng tài thương mại của Việt Nam cũng đã ghi nhận chế định mất quyền phản đối trong hoạt động tố tụng trọng tài. Bên cạnh đó, một số quy tắc tố tụng trọng tài tiêu biểu cũng đều đưa ra quy định về một bên sẽ mất quyền phản đối với các vi phạm liên quan đến tố tụng trọng tài theo cách tiếp cận chung của

¹ T. H. Webster and M. W. Bihler (2014), *Handbook of ICC Arbitration: Commentary, Precedents, Materials*, Sweet & Maxwell, tr. 599.

² Parimal Kashyap & Rahul Kanoujia (2020), Jayesh H. Pandya V. Subhtex India Ltd : Supreme Court’s Troubling Decision on Waiver of Right to Object, *Indian Arbitration Law Review*, vol. 2, 269-282, p. 270.

³ UNCITRAL 2012 Digest of Case Law on the Model Law on International Commercial Arbitration 35.

⁴ Tibor Várady (2009), Waiver in arbitral proceedings and limitations on waiver, *Annals FLB –Belgrade Law Review*, Year LVII, no.3, 6-22, p.12.

thông lệ quốc tế. Như vậy, chế định mất quyền phản đối đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính ổn định và hiệu quả của quá trình giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, ngăn chặn các hành vi kéo dài thủ tục tố tụng một cách không cần thiết hoặc lợi dụng sai sót về thủ tục để trì hoãn việc thi hành phán quyết. Tuy nhiên, trong thực tiễn áp dụng, chế định này vẫn làm phát sinh một số vướng mắc nhất định, đặc biệt là trong việc xác định thời điểm, phạm vi và hệ quả pháp lý của việc một bên bị coi là đã mất quyền phản đối. Điều này đặt ra yêu cầu cần làm rõ hơn về bản chất pháp lý, điều kiện áp dụng cũng như mối liên hệ giữa chế định này với các nguyên tắc cơ bản trong tố tụng trọng tài, nhằm bảo đảm sự minh bạch và công bằng trong giải quyết tranh chấp.

2. Quy định pháp luật về mất quyền phản đối trong tố tụng trọng tài

Thứ nhất, quy định về mất quyền phản đối trong Luật mẫu UNCITRAL về trọng tài thương mại quốc tế

Điều 4 của Luật mẫu UNCITRAL về trọng tài thương mại quốc tế (gọi tắt là Luật Mẫu) quy định về mất quyền phản đối của các bên trong tố tụng trọng tài như sau:

“Khi một bên biết bất kỳ điều khoản nào của Luật này có thể bị các bên vi phạm, hoặc bất kỳ yêu cầu nào theo thỏa thuận trọng tài chưa được tuân thủ và vẫn tiếp tục tiến hành thủ tục trọng tài mà không tuyên bố sự phản đối của mình về những việc không chấp hành đó một cách không chậm trễ hoặc, nếu có thời hạn cho phép, trong phạm vi thời hạn cho phép đó, thì sẽ xem như đã từ bỏ quyền phản đối của mình.”

Quy tắc Trọng tài UNCITRAL cũng quy định về chế định này tại Điều 32 như sau:

“Một bên không phản đối ngay lập tức đối với bất kỳ sự không tuân thủ Quy tắc này hoặc yêu cầu của thỏa thuận trọng tài sẽ bị coi là từ bỏ quyền phản đối, trừ khi bên đó chứng minh được rằng trong hoàn cảnh đó việc không phản đối là có lý do hợp lý”.

Điều 4 của Luật Mẫu đã được ghi nhận và áp dụng rộng rãi trong pháp luật của nhiều quốc gia, tương tự như việc Điều 30 của Bộ quy tắc UNCITRAL đã có ảnh hưởng sâu rộng đến quá trình xây dựng và hoàn thiện các quy tắc tố tụng trọng tài của nhiều tổ chức trọng tài trên thế giới.

Thứ hai, quy định về mất quyền phản đối trong Luật Trọng tài thương mại năm 2010 của Việt Nam

Luật Trọng tài thương mại năm 2010 được xây dựng dựa trên cơ sở nghiên cứu lý luận, kinh nghiệm thực tiễn từ việc áp dụng Pháp lệnh Trọng tài và tiếp nhận nguyên tắc của Luật Mẫu UNCITRAL về trọng tài thương mại quốc tế.⁵ Do đó, các quy định liên quan trong Luật Trọng tài thương mại năm 2010, bao gồm cả quy định về mất quyền phản đối đã có những tương thích nhất định so với cách tiếp cận của Luật Mẫu. Cụ thể, Điều 13 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 quy định về chế định mất quyền phản đối như sau: “Trong trường hợp một bên phát hiện có vi phạm quy định của Luật này hoặc của thỏa thuận trọng tài mà vẫn tiếp tục thực hiện tố tụng trọng tài và không phản đối những vi phạm trong thời hạn do Luật này quy định thì mất quyền phản đối tại Trọng tài hoặc Tòa án.” Như vậy, mặc dù cách diễn đạt khác nhau, nhưng nội dung của chế định mất quyền phản đối tại Điều 13 tương tự với quy định tại Điều 4 của Luật Mẫu.

Điều 6 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP hướng dẫn thực hiện quy định tại Điều 13 Luật Trọng tài thương mại về mất quyền phản đối như sau:

1. Trường hợp một bên phát hiện có vi phạm quy định Luật Trọng tài thương mại hoặc của thỏa thuận trọng tài mà vẫn tiếp tục thực hiện tố tụng trọng tài và không phản đối với Hội đồng trọng tài, Trung tâm trọng tài những vi phạm đó trong thời hạn do Luật Trọng tài thương mại quy định thì mất quyền phản đối tại Trọng tài, hoặc tại Tòa án đối với những vi phạm đã biết đó. Trường hợp Luật Trọng tài thương mại không quy định thời hạn thì thời hạn được xác định theo thỏa thuận của các bên hoặc quy tắc tố tụng trọng tài. Trường hợp các bên không thỏa thuận hoặc quy tắc tố tụng trọng tài không quy định thì việc phản đối phải được thực hiện trước thời điểm Hội đồng trọng tài tuyên phán quyết.

2. Trước khi xem xét yêu cầu của một hoặc các bên về việc có vi phạm quy định Luật Trọng tài thương mại hoặc của thỏa thuận trọng tài, tòa án phải kiểm tra các tài liệu, chứng cứ, quy tắc tố tụng trọng tài để xác định đối với yêu cầu đó, một hoặc các bên có mất quyền phản đối hay không mất quyền phản đối.

Trường hợp tòa án xác định vi phạm đã mất quyền phản đối quy định tại Điều 13 Luật Trọng tài thương mại và hướng dẫn tại khoản 1 Điều này thì bên đã mất quyền

⁵ Nguyễn Xuân Nam (2024), *Đánh giá Luật Trọng tài thương mại năm 2010 qua thực tiễn thi hành và một số giải pháp sửa đổi, bổ sung*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật Kỳ 1 (Số 402), tháng 4/2024, 41-47(52), tr.42.

phản đối không được quyền khiếu nại quyết định của Hội đồng trọng tài, yêu cầu hủy phán quyết trọng tài đối với những vi phạm đã mất quyền phản đối đó. Tòa án không được căn cứ vào các vi phạm mà một hoặc các bên đã mất quyền phản đối để quyết định chấp nhận yêu cầu của một hoặc các bên.

3. Khi giải quyết yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, tòa án có trách nhiệm xem xét theo quy định tại điểm đ khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại. Trường hợp xét thấy có đủ căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu thì tòa án có quyền quyết định ngay cả khi một hoặc các bên đã mất quyền phản đối.

Các Quy tắc tố tụng trọng tài cũng đã ghi nhận về chế định mất quyền phản đối của các bên theo cách tiếp cận của pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam. Ví dụ, Điều 38.4 Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) quy định: “Trong trường hợp một bên phát hiện có vi phạm quy định của pháp luật về trọng tài, của Quy tắc này hoặc của thỏa thuận trọng tài mà không phản đối trong thời hạn quy định của Quy tắc này thì mất quyền phản đối về những vi phạm đó. Đối với các trường hợp không quy định thời hạn phản đối thì việc phản đối phải được đưa ra chậm nhất trước thời điểm Hội đồng Trọng tài tuyên bố phiên họp giải quyết vụ tranh chấp là phiên họp cuối cùng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.”⁶

Theo một số quan điểm, chế định mất quyền phản đối cũng là sự cụ thể hóa của quyền tự do định đoạt của các bên tranh chấp. Có thể thấy rằng, sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong Luật Trọng tài thương mại là ý chí của các bên. Các bên có quyền “kiến tạo” nên thẩm quyền của trọng tài. Các bên quyền tự do thỏa thuận bằng văn bản (như thỏa thuận trọng tài, quy tắc trọng tài hay thỏa thuận riêng của các bên...) hoặc bằng hành vi cụ thể (biết nhưng im lặng và không phản đối) đối với các vấn đề liên quan đến tố tụng trọng tài (luật áp dụng, địa điểm, thời gian, ngôn ngữ...) trong giới hạn pháp luật áp dụng cho phép. Vì vậy, nếu các bên biết vi phạm mà không phản đối thì cũng được xem như là một hình thức lựa chọn, một sự đồng ý của họ về thành phần, về tố tụng, về thẩm quyền... của trọng tài.⁷ Theo đó, các bên, một khi đã lựa chọn, không được phủ nhận quyết định của mình trước các cơ quan có thẩm quyền.

⁶ Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam năm 2017 (Bản tiếng Việt), truy cập tại: <https://www.viac.vn/quy-tac-trong-tai.html>, truy cập ngày 02/01/2025.

⁷ Vũ Hoàng (2020), *Hủy phán quyết trọng tài thương mại theo pháp luật Việt Nam và một số kiến nghị*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, truy cập tại <https://danchuphapluat.vn/huy-phan-quyet-trong-tai-thuong-mai-theo-phap-luat-viet-nam-va-mot-so-kien-nghị>, truy cập ngày 02/01/2025.

Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng, khái niệm mất quyền phản đối (waiver) được thể hiện trong các quy định này đều bao hàm một giới hạn hết sức quan trọng. Theo đó, việc mất quyền phản đối chỉ có thể áp dụng được với các trường hợp vi phạm mà có thể khắc phục bằng sự đồng thuận. Điều này có nghĩa là vẫn tồn tại những giá trị được pháp luật bảo vệ bất chấp hành vi của các bên. Hay nói cách khác, các bên chỉ có thể được xem là đã “từ bỏ quyền” của mình đối với các vấn đề “mà các bên có thể thỏa thuận loại trừ”.

3. Một số vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn áp dụng quy định về mất quyền phản đối

Thứ nhất, bản chất của việc phản đối của các bên trong tố tụng trọng tài

Nếu trong quá trình giải quyết tranh chấp tại trọng tài, các bên phát hiện có vi phạm liên quan đến các quy định của Luật Trọng tài thương mại hoặc của thỏa thuận trọng tài mà không đưa ra sự phản đối thích hợp thì sẽ mất quyền phản đối tại Trọng tài hoặc tại tòa án sau đó. Việc không phản đối được giải thích theo hướng là các bên vẫn tiếp tục thực hiện tố tụng trọng tài và không đưa ra những phản đối rõ ràng bằng văn bản, lời nói hay hành vi. Ví dụ, trong một tranh chấp liên quan đến hợp đồng thuê đã được giải quyết tại VIAC, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã khẳng định rằng không có cơ sở để cho rằng người có thẩm quyền của Công ty NK biết và không phản đối thỏa thuận trọng tài để xác nhận tính hợp lệ của thỏa thuận trọng tài bởi lẽ trong quá trình tố tụng trọng tài cũng như tại phiên họp của Hội đồng Trọng tài thì đại diện hợp pháp của Công ty NK đã có Bản tự bảo vệ lập ngày 10/10/2018 trong đó thể hiện nội dung phản đối việc người đại diện không có ủy quyền xác lập thỏa thuận trọng tài tại hợp đồng thuê ngày 22/12/2015. Hơn nữa, tại biên bản thỏa thuận tranh chấp ngày 11/10/2018 được lập tại VIAC, thì đại diện cho Công ty NK đã gạch bỏ hai chữ “thẩm quyền” thể hiện sự phản đối thẩm quyền của trọng tài. Tức là, công ty NK đã có những hành động rõ ràng thể hiện sự phản đối của mình đối với hiệu lực của thỏa thuận trọng tài đã được xác lập trong hợp đồng thuê tài sản. Vì vậy, tòa án đưa ra kết luận công ty NK không mất quyền phản đối theo quy định tại Điều 13 Luật Trọng tài thương mại năm 2010.⁸

⁸ Quyết định số 892/2019/QĐ-PQTT ngày 26/07/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc không hủy phán quyết trọng tài, truy cập tại <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta869657t1cvn/chi-tiet-ban-an>, truy cập ngày 02/01/2025.

Ngoài ra, việc không phản đối của một bên cũng có thể bao gồm trường hợp không khiếu nại đối với phán quyết về thẩm quyền của trọng tài. Tuy nhiên, nhận định này vẫn đang là một vấn đề gây tranh cãi khá thường xuyên trong thực tiễn. Bởi lẽ, Luật Trọng tài thương mại năm 2010 đã có quy định về mất quyền phản đối và về quyền khiếu nại đối với quyết định của Hội đồng trọng tài về thẩm quyền giải quyết tranh chấp.⁹ Tuy nhiên, Luật chưa cho biết việc không khiếu nại quyết định về thẩm quyền có làm mất quyền phản đối về thẩm quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài hay không. Thực trạng pháp luật chưa rõ ràng về vấn đề nêu trên không chỉ là đặc thù riêng của Việt Nam, bởi lẽ vấn đề tương tự cũng tồn tại trong Luật Mẫu (năm 1985, sửa đổi năm 2006) và pháp luật một số nước như Thụy Sĩ hay Đức (theo Luật Mẫu). Tuy nhiên, trong một số vụ việc tại Việt Nam, tòa án có quan điểm theo xu hướng rằng việc không khiếu nại này sẽ làm mất quyền phản đối. Cụ thể, liên quan đến tranh chấp giữa hai công ty về hợp đồng mua bán máy sản xuất cần gạt nước mưa ô tô đã được giải quyết tại Trung tâm trọng tài A, tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận định rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng trọng tài đã có một phiên họp để giải quyết vấn đề thẩm quyền của Hội đồng trọng tài, sau khi có Phán quyết về thẩm quyền, bên yêu cầu không có khiếu nại gửi đến tòa án đề nghị xác định về thẩm quyền theo quy định tại Điều 13 và Điều 44 Luật Trọng tài thương mại và hướng dẫn tại Điều 6 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP, nên bên yêu cầu mất quyền phản đối. Do đó, yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của bên liên quan không có cơ sở để chấp nhận.¹⁰ Cách tiếp cận của tòa án trong vụ việc này là thuyết phục, giúp các bên trong tố tụng trọng tài cần có ứng xử lành mạnh, hành động nhanh chóng phù hợp với tinh thần của pháp luật trọng tài. Thực tế, vấn đề nêu trên đã xảy ra ở nước ngoài. Tòa án Singapore chưa thực sự rõ ràng về vấn đề này nhưng tòa án liên bang Thụy Sĩ¹¹ cũng như tòa án liên bang Đức¹² cũng theo hướng vừa nêu.

⁹ Khoản 1 Điều 44 quy định “Trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Hội đồng trọng tài quy định tại Điều 43 của Luật này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của Hội đồng trọng tài, các bên có quyền gửi đơn yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xem xét lại quyết định của Hội đồng trọng tài. Bên khiếu nại phải đồng thời thông báo việc khiếu nại cho Hội đồng trọng tài”.

¹⁰ Quyết định số 04/2018/QĐ-PQTT ngày 24/7/2018 của Tòa án nhân dân TP. Hà Nội về việc không hủy phán quyết trọng tài, tại <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta138157t1cvn/chi-tiet-ban-an>, truy cập ngày 03/01/2025.

¹¹ Trong một bản án năm 1994, Tòa án tối cao liên bang Thụy Sĩ đã từng xét rằng “phán quyết theo đó toà án trọng tài giải quyết vấn đề thẩm quyền của mình (theo khoản 1 Điều 8 Luật trọng tài liên bang, khoản 3 Điều 186 Luật tư pháp quốc tế) có thể bị khiếu nại ngay (theo Điều 9 Luật trọng tài, khoản 3 Điều 190

Đối với những trường hợp nêu trên, Điều 13 Luật Trọng tài thương mại được áp dụng khi một bên phát hiện vi phạm liên quan trọng tài mà vẫn tiếp tục tiến hành hoạt động tố tụng và không phản đối; tuy nhiên, có quan điểm cho rằng việc mất quyền phản đối còn bao gồm trường hợp bên phát hiện vi phạm không phản đối và quyết định không tham gia tố tụng trọng tài nữa.¹³

Một vấn đề khác cần được xem xét ở đây là việc mất quyền phản đối có thể phát sinh từ thỏa thuận của các bên (trong hợp đồng) hay không? Một số hệ thống pháp luật áp dụng cách tiếp cận khá hạn chế khi không chấp nhận quyền thỏa thuận của các bên về việc từ bỏ cơ chế hủy phán quyết trọng tài vì đây là một thủ tục quan trọng và mang tính chất bắt buộc, ví dụ Anh¹⁴, Brazil¹⁵, Đức¹⁶, Italia¹⁷... Tuy nhiên, một số quốc gia lại có cách tiếp cận theo chiều hướng ngược lại. Ví dụ, một tòa án tại Ontario, Canada, nơi đã áp dụng Luật Mẫu UNCITRAL, trong vụ Noble China Inc. v. Lei Kat Cheong (“Noble China”) đã bác bỏ đơn yêu cầu hủy bỏ phán quyết trọng tài theo Điều 34 của Luật Mẫu UNCITRAL với lý do rằng Điều 34 không mang tính bắt buộc và các bên có thể loại trừ điều khoản này thông qua thỏa thuận.¹⁸ Trong khi đó, pháp luật Việt Nam lại không có quy định cụ thể về vấn đề này. Thực tiễn giải quyết tranh chấp tại Việt Nam

Luật tư pháp quốc tế). Theo một án lệ đã tồn tại từ lâu, bên không khiếu nại phán quyết trên trong thời gian quy định sau này không còn quyền viện dẫn việc tòa án trọng tài không có thẩm quyền và không còn được khiếu nại quyết định về thẩm quyền thông qua việc yêu cầu hủy phán quyết trọng tài cuối cùng. Án lệ này phù hợp với Điều 87 Luật liên bang về tổ chức tư pháp, được thể hiện trong các bản án theo hướng bài trừ chiến thuật có mục đích làm chậm viện dẫn các sai sót về tố tụng. Án lệ này được các tác giả đồng thuận. Vì vậy, không cần nhắc lại nữa ở đây” (Federal Supreme Court of Switzerland ngày 14/4/1994: ATF 120 II 155, Bulletin ASA 1994, tr.404).

¹² Patricia Nacimient, Stefan Michael Kroll, et al. (Arbitration in Germany: The Model Law in Practice, Kluwer Law International 2015, tr.405 và 406) nêu rằng “các bên đã không khiếu nại đối với một quyết định sơ bộ trong thời hạn được quy định tại khoản 3 Điều 1040 BLTTDS sẽ không được phép viện dẫn việc không có thỏa thuận trọng tài hợp pháp trong thủ tục yêu cầu hủy phán quyết trọng tài về nội dung tranh chấp. Trong trường hợp người yêu cầu đã tham gia vào thủ tục tố tụng mà không khiếu nại đối với quyết định về thẩm quyền, ứng xử như vậy cũng được coi như chấp nhận thẩm quyền của trọng tài”. Ở đây, “khi trọng tài đã có quyết định sơ bộ khẳng định có thẩm quyền, việc không khiếu nại quyết định đó trong thời gian một tháng theo khoản 3 Điều 1040 BLTTDS loại bỏ khả năng viện dẫn căn cứ về thẩm quyền trong thủ tục yêu cầu hủy phán quyết trọng tài sau này”.

¹³ Trương Thế Côn (2024), Hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại theo phương thức hòa giải và trọng tài ở Việt Nam, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật Kỳ 2 (Số 411), tháng 8/2024, t57-64, tr.62.

¹⁴ Arbitration Act 1996, c. 23, §§ 4(1), at 67–69 (Eng).

¹⁵ Fernando Eduardo Serec & Antonio Marzagao Barbuto Neto, Commercial Arbitration 2017: Brazil, Global Arb. Rev. (2017).

¹⁶ Boris Kasolowsky & Carsten Wendler, Commercial Arbitration 2017: Germany, Global Arb. Rev. (2017).

¹⁷ Italian Code of Civil Procedure, Art. 829(1) (providing for annulment, notwithstanding any waiver).

¹⁸ Food Servs. of Am., Inc. v. Pan Pac. Specialties Ltd. (1997) 32 B.C.L.R.3d 225 (B.C. S.Ct.).

cũng chưa ghi nhận trường hợp nào liên quan đến việc các bên thỏa thuận từ bỏ quyền phản đối trong tố tụng trọng tài. Do đó, kinh nghiệm thực tiễn từ các nước sẽ là một bài học tham khảo có ý nghĩa của quá trình lập pháp của Việt Nam.

Tuy nhiên, cũng cần lưu rằng, quy định về mất quyền phản đối sẽ không được áp dụng đối với các trường hợp vi phạm trong tố tụng trọng tài mà xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, của dân tộc, lợi ích quốc gia, lợi ích công, trật tự công... Cụ thể, theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP, trong trường hợp phản quyền trọng tài vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, tòa án có quyền hủy phán quyết trọng tài cho dù một hoặc các bên đã mất quyền phản đối với vấn đề đó. Cách tiếp cận này của pháp luật Việt Nam là hoàn toàn phù hợp với Luật Mẫu và pháp luật của các quốc gia khác.¹⁹

Thứ hai, thời gian phản đối của các bên

Cần thiết phải nhấn mạnh rằng, việc phản đối của các bên khi phát hiện vi phạm quy định của Luật Trọng tài thương mại hoặc của thỏa thuận trọng tài phải được thực hiện trong thời hạn thích hợp. Cụ thể, thời hạn của việc thực hiện quyền phản đối được xác định theo thứ tự sau: (i) Theo quy định của Luật Trọng tài Thương mại; (ii) Theo thỏa thuận của các bên hoặc theo Quy tắc tố tụng trọng tài; hoặc (iii) Thực hiện trước thời điểm Hội đồng trọng tài tuyên phán quyết. Ví dụ, theo quy định tại khoản 1 Điều 44 của Luật Trọng tài thương mại, trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Hội đồng trọng tài về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài và thẩm quyền của trọng tài, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của Hội đồng trọng tài, các bên phải thực hiện việc khiếu nại tại tòa án. Tuy nhiên, qua quá trình rà soát, có thể thấy rằng Luật Trọng tài thương mại chỉ có một số ít các quy định liên quan đến thời hạn để các bên thực hiện việc khiếu nại đối với các vấn đề liên quan. Đối với các vấn đề khác, Luật này không ấn định vấn đề về thời hạn khiếu nại.

Một số Quy tắc tố tụng trọng tài cũng đã quy định về thời hạn khiếu nại đối với các vi phạm phát sinh trong quá trình tố tụng trọng tài. Ví dụ, khoản 1 Điều 9 Quy tắc Trọng tài của VIAC đều quy định trong trường hợp Bị đơn cho rằng vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của trọng tài, không có thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì phải nêu rõ điều đó

¹⁹ Bantekas, I. (2024), *Procedural Estoppel in International Commercial Arbitration Proceedings*, Chinese Journal of Transnational Law, vol 1(1), 35-47, p.40.

trong bản tự bảo vệ, nếu bị đơn không nêu rõ điều đó trong bản tự bảo vệ thì bị đơn mất quyền phản đối, như vậy thời hạn để bị đơn đưa ra phản đối về thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài và sự tồn tại của thỏa thuận trọng tài là tại thời điểm nộp bản tự bảo vệ. Do đó, trong vụ việc giải quyết yêu cầu hủy phán quyết trọng tài số 05/20/HMC ngày 28/8/2020 của Hội đồng Trọng tài thuộc VIAC, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã nhận định rằng ngày 28/02/2020, VIAC nhận được bản tự bảo vệ của Bị đơn đề ngày 25/02/2020 kèm theo các tài liệu liên quan. Tuy nhiên tại bản tự bảo vệ này của Bị đơn không có bất kỳ phản đối nào về thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài cũng như sự tồn tại của thỏa thuận trọng tài giữa bị đơn và nguyên đơn. Ngày 8/4/2020 Bị đơn mới có đơn khiếu nại thẩm quyền là sau thời điểm nộp bản tự bảo vệ là đã quá thời hạn quy định của pháp luật.²⁰

Trong các trường hợp khác, nếu Luật Trọng tài thương mại không có quy định và Quy tắc tổ tụng trọng tài cũng không đề cập đến thời hạn khiếu nại thì thời hạn để các bên khiếu nại, đưa ra sự phản đối của mình đối với các vi phạm trong tổ tụng trọng tài được xác định là trước thời điểm Hội đồng trọng tài tuyên phán quyết.

Cách tiếp cận này của Luật Trọng tài thương mại có sự tương thích nhất định với Điều 4 của Luật Mẫu và quy định của các quốc gia khác khi đặt ra yêu cầu rằng việc phản đối phải được một bên đưa trong thời hạn ấn định (giới hạn về thời gian). Ví dụ, Điều 4 Đạo luật Trọng tài 1996 của Ấn Độ quy định: Nếu một bên biết rằng bất kỳ yêu cầu nào theo thỏa thuận trọng tài không được tuân thủ nhưng vẫn tiếp tục tham gia quá trình trọng tài mà không nêu ý kiến phản đối về việc không tuân thủ đó trong thời gian hợp lý hoặc, nếu có quy định thời hạn để nêu ý kiến phản đối, thì trong thời hạn đó, sẽ được coi là đã từ bỏ quyền phản đối của mình. Thực tiễn giải quyết tranh chấp tại các quốc gia cũng xác nhận việc một bên sẽ mất quyền phản đối nếu không thực hiện trong thời hạn quy định. Ví dụ, trong một vụ tranh chấp giữa Fibre Excellence v Tembec, tòa án Pháp đã bác bỏ yêu cầu hủy phán quyết trọng tài với lý do rằng nguyên đơn đã không trình bày ý kiến phản đối của mình khi thủ tục trọng tài được tiến hành mà không có sự tham gia của một trọng tài viên trong thời hạn 08 ngày theo Quy tắc tổ tụng ICC.²¹

²⁰ Quyết định số 04/2022/QĐ-PQTT ngày 21/03/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc hủy phán quyết trọng tài, truy cập tại <https://congboanan.toaan.gov.vn/2ta930075t1cvn/chi-tiet-ban-an>, truy cập ngày 03/01/2025.

²¹ Fibre Excellence SAS v Tembec SAS, Cass civ 1, (26 January 2016), No 15-12.363.

Tuy nhiên, quy định này của Việt Nam vẫn có điểm khác biệt so với Luật Mẫu cũng như pháp luật các quốc gia (chủ yếu là những quốc gia theo Luật Mẫu). Cụ thể, Điều 4 của Luật Mẫu cũng quy định rằng việc phản đối của các bên phải được thực hiện trong thời hạn quy định; mặt khác, trường hợp không có quy định thì các bên phải thực hiện việc phản đối một cách nhanh chóng hay không chậm trễ (undue delay). Việc giải thích cụm từ “undue delay” này phụ thuộc vào bối cảnh của từng vụ việc, song, các giải thích đều sẽ đưa ra một thời hạn cụ thể được cho là phù hợp với hoàn cảnh của tranh chấp.²² Ngược lại, theo quy định của pháp luật Việt Nam, trường hợp không có quy định (theo Luật Trọng tài thương mại, theo Quy tắc tố tụng trọng tài hoặc theo thỏa thuận của các bên), việc phản đối có thể được thực hiện trong bất kỳ thời gian nào miễn trước khi phán quyết trọng tài được tuyên.

Thứ ba, mất quyền phản đối trong giai đoạn công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài

Theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, có thể thấy rằng các căn cứ để Tòa án Việt Nam xem xét không công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài có sự tương đồng với các căn cứ hủy phán quyết trọng tài nội địa. Vậy một vấn đề đặt ra ở đây là liệu rằng một bên có mất quyền phản đối việc công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài trước tòa án Việt Nam trên cơ sở các vi phạm liên quan nếu không thực hiện việc khiếu nại đối với vi phạm này tại quốc gia nơi phán quyết được tuyên? Nói cách khác, trong trường hợp một bên phản đối việc công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài trước Tòa án Việt Nam trên cơ sở các lý do tại khoản 1 Điều 459 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không thực hiện việc khiếu nại đối với những vấn đề này trong quá trình tố tụng trọng tài trước đó thì Tòa án có chấp nhận yêu cầu phản đối này hay không? Theo một số quan điểm, bởi lẽ căn cứ hủy và từ chối công nhận phán quyết trọng tài tương đồng nhau, do đó, nếu một bên không thực hiện biện pháp khắc phục trước đó, cụ thể yêu cầu hủy phán quyết trọng tài tại quốc gia nơi tổ chức trọng tài thì có thể được xem là hành vi lạm dụng quy trình, dẫn đến việc không thể đưa ra khiếu nại sau này ở giai đoạn thi hành.²³

Từ góc độ pháp luật quốc tế, Công ước New York năm 1959 về công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài không quy định cụ thể về trường hợp nêu

²² Bantekas, I. (2024), tldd.

²³ Bantekas, I. (2024), tldd.

trên (thậm chí các quy định tại Điều 35 và Điều 36 của Luật Mẫu cũng “im lặng” trước vấn đề này). Từ góc độ pháp luật quốc gia, thực tiễn xét xử của các tòa án nội địa cho thấy sự thống nhất trong việc áp dụng quy định đối với trường hợp một bên không đưa ra khiếu nại trước tòa án tại nơi tổ chức trọng tài, đặc biệt khi bên đó đã tham gia vào quá trình trọng tài. Đối với các khiếu nại liên quan đến thẩm quyền của hội đồng trọng tài, các bên phải nêu ra chậm nhất trong bản tự bảo vệ gửi đến trọng tài; nếu không các bên sẽ mất quyền phản đối tại giai đoạn công nhận và cho thi hành. Đối với các khiếu nại khác theo khoản 1 Điều V của Công ước New York, nếu một bên không kịp thời đưa ra khiếu nại trong quá trình tố tụng trọng tài thì sẽ dẫn đến việc bên đó mất quyền phản đối những vấn đề này tại giai đoạn thi hành phán quyết.²⁴

Có thể thấy rằng, pháp luật Việt Nam (bao gồm các quy định của Luật Trọng tài thương mại và Bộ luật Tố tụng dân sự) không quy định cụ thể về vấn đề này. Các quy định liên quan đến thủ tục công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài, đặc biệt liên quan đến các căn cứ từ chối công nhận và cho thi hành, không bao gồm trường hợp một bên mất quyền phản đối hay không thực hiện phản đối tại nơi tổ chức trọng tài. Điều 13 của Luật Trọng tài thương mại, mặc dù ghi nhận nguyên tắc chung rằng các bên có thể mất quyền phản đối tại tòa án nếu không khiếu nại các vi phạm đã phát hiện trong quá trình tố tụng, tuy nhiên các hướng dẫn tại Điều 6 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP chỉ hướng đến việc mất quyền phản đối trong giai đoạn hủy phán quyết trọng tài. Hay nói cách khác, quy định về mất quyền phản đối tại Điều 13 được tiếp cận theo hướng áp dụng đối với các quy trình mang tính chất nội địa, cụ thể là yêu cầu hủy phán quyết trọng tài nội địa, thay vì quy trình xem xét để công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài. Mặc dù chưa có những giải thích cụ thể song cách tiếp cận này sẽ không tương thích với thông lệ chung của quốc tế về áp dụng nguyên tắc mất quyền phản đối trong tố tụng trọng tài.

4. Kết luận

Mất quyền phản đối là một chế định quan trọng của Luật Trọng tài thương mại năm 2010 nhằm đảm bảo tính công bằng và hiệu quả của quá trình tố tụng trọng tài. Do đó, việc hoàn thiện quy định liên quan đến chế định này trong bối cảnh sửa đổi Luật

²⁴ National Wrecking Co v International Bhd of Teamsters, 990 F2d 957 (7th Cir, 1993), tr. 960; SOCAR v Fronter, Svea Appeals Court judgment (4 April 2009); xem thêm Clout Case 1349, decided by the Judicial Division of the Supreme Commercial Court of the Russian Federation.

Trọng tài thương mại năm 2010 là rất cần thiết, nhất là khi hoạt động giải quyết tranh chấp bằng trọng tài phát triển ngày càng mạnh mẽ. Trên cơ sở nghiên cứu quy định liên quan của pháp luật Việt Nam về mất quyền phản đối trong mối tương quan so sánh với pháp luật quốc tế và pháp luật các quốc gia, tác giả rút ra một số điểm cần lưu ý cụ thể như sau:

Thứ nhất, dưới góc độ lập pháp, đề xuất rà soát và sửa đổi quy định tại Điều 13 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 theo hướng:

“Trong trường hợp một bên phát hiện có vi phạm quy định của Luật này hoặc của thỏa thuận trọng tài mà không phản đối những vi phạm đó trong thời hạn do Luật này quy định dù bên đó lựa chọn không tham gia tố tụng trọng tài thì mất quyền phản đối tại Trọng tài hoặc Tòa án.”

Thứ hai, liên quan đến trường hợp một bên không thực hiện khiếu nại tại tòa án đối với Quyết định của Hội đồng trọng tài về thẩm quyền theo quy định tại Điều 44 Luật Trọng tài thương mại năm 2010, đề xuất ban hành án lệ về mất quyền phản đối khi không khiếu nại quyết định của Hội đồng trọng tài về thẩm quyền. Có thể thấy rằng, pháp luật hiện quy định chưa rõ ràng về vấn đề này, do đó việc ban hành án lệ sẽ hướng dẫn áp dụng thống nhất đối các cơ quan tư pháp như sau:

“Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng trọng tài đã có một phiên họp để giải quyết vấn đề thẩm quyền của Hội đồng trọng tài, sau khi có Phán quyết về thẩm quyền, bên yêu cầu không có khiếu nại gửi đến tòa án đề nghị xác định về thẩm quyền theo quy định tại Điều 13 và Điều 44 Luật Trọng tài thương mại và hướng dẫn tại Điều 6 Nghị quyết số 01/2014/NQ- HĐTP bên yêu cầu mất quyền phản đối. Do đó, yêu cầu này của bên liên quan không có cơ sở để chấp nhận.”

Thứ ba, về thỏa thuận từ bỏ quyền phản đối của các bên, cần xem xét đây là một trường hợp dẫn tới việc các bên mất quyền phản đối trong tố tụng trọng tài. Mặc dù thực tiễn tư pháp tại Việt Nam chưa từng ghi nhận trường hợp này, song việc các bên xác lập một thỏa thuận về việc từ bỏ quyền, đặc biệt là quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, hoàn toàn có thể xảy ra trong các quan hệ thương mại. Từ kinh nghiệm quốc tế có thể thấy rằng việc công nhận thỏa thuận này là phù hợp với nguyên tắc tự do ý chí trong trọng tài. Tuy nhiên, nếu việc công nhận thỏa thuận từ bỏ quyền để dẫn đến việc “loại bỏ” thủ tục hủy phán quyết trọng tài trong mọi trường hợp thì sẽ làm mất đi vai trò giám

sát của tòa án nhất là khi hoạt động tố tụng trọng tài xâm phạm đến lợi ích công cộng, trật tự công. Do đó, việc công nhận thỏa thuận từ bỏ quyền phản đối của các bên không nên được áp dụng trong trường hợp “phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” (Điều 1 khoản 1 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại).

Thứ tư, cần thống nhất trong việc áp dụng chế định mất quyền phản đối trong giai đoạn công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài. Như đã phân tích ở trên, chế định mất quyền phản đối có được áp dụng trong giai đoạn công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài hay không vẫn còn chưa rõ ràng ở Việt Nam. Vì vậy, trong bối cảnh các yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài ngày càng gia tăng, việc hướng dẫn cụ thể vấn đề này là rất cần thiết. Nhận thấy, cơ chế công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài được xem như là một thủ tục rà soát của các Tòa án quốc gia đối với quy trình tố tụng trọng tài, do đó tương đồng với thủ tục hủy phán quyết trọng tài về mặt ý nghĩa. Vì vậy, việc áp dụng chế định mất quyền phản đối trong giai đoạn này là phù hợp để tránh trường hợp các bên lạm dụng pháp luật trên tinh thần thiếu thiện chí. Như vậy, Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP không nên giới hạn việc tòa án chỉ xem xét vấn đề mất quyền phản đối của các bên khi thực hiện thủ tục hủy phán quyết trọng tài. Thay vì đó, Nghị quyết cần mở rộng theo hướng tòa án phải xem xét về việc mất quyền phản đối của một bên nếu bên đó đưa ra quan điểm “đôi kháng” với yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài. Với tư cách là quốc gia thành viên Công ước New York, cách tiếp cận này cho thấy sự tương thích giữa pháp luật Việt Nam và những giải thích liên quan đến Công ước về quyền phản đối trong giai đoạn công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài tại các quốc gia thành viên khác.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bantekas, I. (2024), *Procedural Estoppel in International Commercial Arbitration Proceedings*, Chinese Journal of Transnational Law, vol 1(1).
2. Nguyễn Xuân Nam (2024), *Đánh giá Luật Trọng tài thương mại năm 2010 qua thực tiễn thi hành và một số giải pháp sửa đổi, bổ sung*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật Kỳ 1 (Số 402), tháng 4/2024.

3. Parimal Kashyap & Rahul Kanoujia (2020), Jayesh H. Pandya V. Subhtex India Ltd: *Supreme Court's Troubling Decision on Waiver of Right to Object*, Indian Arbitration Law Review, vol. 2.
4. T. H. Webster and M. W. Bihler (2014), *Handbook of ICC Arbitration: Commentary, Precedents, Materials*, Sweet & Maxwell.
5. Tibor Várady (2009), *Waiver in arbitral proceedings and limitations on waiver*, Annals FLB –Belgrade Law Review, Year LVII, no.3.
6. Trương Thế Côn (2024), *Hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại theo phương thức hòa giải và trọng tài ở Việt Nam*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật Kỳ 2 (Số 411), tháng 8/2024.
7. Vũ Hoàng (2020), *Hủy phán quyết trọng tài thương mại theo pháp luật Việt Nam và một số kiến nghị*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, truy cập tại <https://danchuphapluat.vn/huy-phan-quyet-trong-tai-thuong-mai-theo-phap-luat-viet-nam-va-mot-so-kien-nghi>, truy cập ngày 02/01/2025.
8. Quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam năm 2017 (Bản tiếng Việt), truy cập tại <https://www.viac.vn/quy-tac-trong-tai.html>, truy cập ngày 02/01/2025.
9. Quyết định số 892/2019/QĐ-PQTT ngày 26/07/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc không hủy phán quyết trọng tài, truy cập tại <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta869657t1cvn/chi-tiet-ban-an>, truy cập ngày 02/01/2025.
10. Quyết định số 04/2018/QĐ-PQTT ngày 24/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc không hủy phán quyết trọng tài, truy cập tại <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta138157t1cvn/chi-tiet-ban-an>, truy cập ngày 03/01/2025.
11. Quyết định số 04/2022/QĐ-PQTT ngày 21/03/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc hủy phán quyết trọng tài, truy cập tại <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta930075t1cvn/chi-tiet-ban-an>, truy cập ngày 03/01/2025.